

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 921/2018/DS-PT

Ngày: 11/10/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Nhung

Ông Lưu Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án số 299/2018/DSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3726/2018/QĐPT-DS ngày 20/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 7806/2018/QĐ-PT ngày 20/9/2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên lại phiên tòa phúc thẩm số 8040/TB-TA ngày 01/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Văn Lệ M**, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Khóm V, xã C, huyện C, tỉnh A.

Địa chỉ liên lạc: 68 đường D, Phường V, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Trần Đ**, sinh năm 1956 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 36/17 đường T, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: 36/17 đường T, Phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông **Lê Khánh T**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh B.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng 012558, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 lập tại Văn phòng Công chứng Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh)

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Văn Lê M trình bày:

Bà Văn Lê M và ông Trần Đ là bạn bè thân thiết, bà M có cho ông Đ vay tiền làm ăn nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 04/4/2006, ông Trần Đ vay số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng;
- Ngày 21/10/2008, ông Trần Đ vay số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng;
- Năm 2010, ông Trần Đ vay tiếp số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Khi vay tiền hai bên có lập giấy nợ nhưng không tính lãi. Tuy nhiên, để đảm bảo cho khoản vay, vào lần vay tiền lần thứ hai năm 2008, ông Đ có đưa cho bà M một số giấy tờ về thửa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 100m² để làm tin.

Vào năm 2010, ông Đ báo cho bà biết ông bị bệnh không có khả năng trả nợ và giao cho bà thửa đất cùng toàn bộ giấy tờ của thửa đất xem như cầm trừ nợ. Theo thông tin ghi trên giấy tờ đất thì thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Đức Tr. Đến năm 2016, bà được biết bà Đỗ Thị H là vợ ông Đ đã lấy đất và xây nhà, có sự ủy quyền cho sử dụng của ông Tr. Nay bà M không có yêu cầu cầm trừ nợ để lấy thửa đất mà chỉ yêu cầu ông Đ phải trả cho bà số tiền đã vay là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Do ông Đ đã chuyển hết tài sản cho bà H và ông Đ đồng ý bà H cùng có trách nhiệm trả nợ nên bà yêu cầu bà H cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ với ông Đ. Bà đồng ý trả lại toàn bộ giấy tờ đất cho ông Đ khi ông Đ trả xong nợ cho bà.

Hiện bà giữ bản chính các giấy tờ của ông Đ gồm:

- Quyết định số 3465/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận I ngày 29/6/2007 về việc giao nền đất được hoán đổi từ đất nông nghiệp tại khu dân cư B, Phường H, Quận I cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức Tr, cư ngụ tại 557/3 bis đường N, Phường K, Quận X thuộc dự án đường vào Trung tâm Thương mại B (đoạn 2) và Khu thương mại B (giai đoạn 1).

- Quyết định số 77154/QĐ-UB ngày 02/10/2002 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc đền bù thiệt hại đất đai, hoa màu và vật kiến trúc cho ông Nguyễn Đức Tr; cư ngụ tại 557/3 bis đường N, Phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Biên bản giao nền đất hoán đổi ngày 13/7/2007 của Công ty Dịch vụ công ích Quận I.

- Bản vẽ hiện trạng cấp lô, số nền (mã hồ sơ: 108) cho ông Nguyễn Đức Tr (đính kèm Quyết định số 3465/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận I ngày 29/6/2007).

- Tờ ủy quyền ngày 06/04/2004 của ông Nguyễn Đức Tr với ông Trần Đ (có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận I).

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình làm việc, bị đơn ông Trần Đ trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Văn Lệ M là đúng, ông có vay tiền của bà M, số tiền còn nợ là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Ông Đ xác nhận số tiền vay để ông làm ăn lo kinh tế cho gia đình. Quá trình vay, ông có đưa giấy tờ thừa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 100m² cho bà M để làm tin. Đến năm 2010, ông bị bệnh tai biến không còn làm ăn nữa, thấy không trả nợ nổi nên ông định giao nền đất cho bà M để cản trở, tuy nhiên hiện nay vợ ông là bà H đã lấy lại thừa đất và toàn bộ tài sản chung của vợ chồng đã sang tên cho bà H.

Nay bà Văn Lệ M khởi kiện, ông thừa nhận số nợ này và đồng ý trả hết số nợ cho bà M, ngoài ra ông cũng đồng ý bà H liên đới cùng ông trả nợ cho bà M vì hiện tại bà H đã sang tên và nắm giữ hết tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H có ông Lê Khánh T làm người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H là vợ ông Đ, bà H không biết về số nợ mà ông Đ vay của bà M, còn thừa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là của ông Trần Đ mua của ông Nguyễn Đức Tr, hiện ông Tr đã lập hợp đồng ủy quyền cho bà H được quản lý và sử dụng. Do đó tài sản này là của bà H. Nay bà M khởi kiện đòi ông Đ 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng thì đây là nợ riêng của ông Đ, bà H không biết, không đồng ý liên đới trả nợ như bà M yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 299/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Văn Lệ M:

Buộc ông Trần Đ và bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Văn Lệ M số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

Bà M trả lại cho ông Trần Đ bản chính các giấy tờ sau:

- Quyết định số 3465/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận I ngày 29/6/2007 về việc giao nền đất được hoán đổi từ đất nông nghiệp tại khu dân cư B, Phường H, Quận I cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức Tr, cư ngụ tại 557/3 bis đường N, Phường K, Quận X thuộc dự án đường vào Trung tâm Thương mại B(đoạn 2) và Khu thương mại B(giai đoạn 1).

- Quyết định số 77154/QĐ-UB ngày 02/10/2002 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc đền bù thiệt hại đất đai, hoa màu và vật kiến trúc cho ông Nguyễn Đức Tr cư ngụ tại 557/3 bis đường N, Phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ xây dựng đường vào Trung tâm Thương mại B (đoạn 2) tại Phường H, Quận I.

- Biên bản giao nền đất hoán đổi ngày 13/7/2007 của Công ty Dịch vụ công ích Quận I.

- Bản vẽ hiện trạng cấp lô, số nền (mã hồ sơ: 108) cho ông Nguyễn Đức Tr (đính kèm Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 29/6/2007 của Ủy ban nhân dân Quận I).

- Tờ ủy quyền ngày 06/04/2004 của ông Nguyễn Đức Tr với ông Trần Đ (có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận I).

2. Việc thi hành trả tiền và trả các giấy tờ các bên thực hiện cùng lúc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Đ, bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Văn Lệ M tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng theo Biên lai thu số 0013459 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H có đơn kháng cáo không đồng ý phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Trần Đ trả số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng cho bà Văn Lệ M. Ngoài ra, bà H yêu cầu giám định tờ “Giấy tay mượn tiền và bán đất” vì bà H cho rằng giấy này được tạo lập mới đây không đúng với thời điểm ghi trên tờ giấy.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H có ông Lê Khánh T làm người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H không biết về số nợ 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng mà ông Đ vay của bà M. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng chỉ phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình như: ăn, ở, mặc, chăm sóc sức khỏe cho các thành viên gia đình. Con của ông Đ, bà H đều đã trưởng thành và có thể tự trang trải cuộc sống nên việc ông Đ khai rằng ông vay số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là không hợp lý. Mặt khác, luật không quy định chồng tặng cho vợ thì vợ phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ. Hơn nữa, việc tặng cho tài sản của ông Đ xảy ra từ năm 2005 và là tặng cho vợ con chứ không riêng bà H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc bà H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M. Ngoài ra, bà H vẫn giữ yêu cầu giám định

tuổi mực của giấy nợ. Đối với thửa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh bà H đã được ông Tr lập hợp đồng ủy quyền cho toàn quyền quản lý và sử dụng, hợp đồng có chứng thực của cơ quan công chứng. Các giấy tờ đất liên quan đến việc thực hiện hợp đồng là do bà làm đơn xin được cấp lại.

Nguyên đơn bà Văn Lệ M trình bày: Bà cho ông Đ vay số tiền là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng, ông Đ có thể chấp cho bà thửa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay các giấy tờ pháp lý của thửa đất bà vẫn đang giữ. Tuy nhiên, bà được biết hiện tại thửa đất này bà H đang quản lý sử dụng. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Đ và bà H phải liên đới trả số nợ trên cho bà.

Ông Trần Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà H yêu cầu cho giám định tuổi mực của giấy nợ nhưng xét thấy việc giám định này là không cần thiết vì không làm thay đổi bản chất của sự việc nên không chấp nhận.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Đ thừa nhận có nợ bà M 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Tại các bản khai, ông Đ yêu cầu bà H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M vì toàn bộ tài sản chung của vợ chồng kể cả miếng đất thế chấp cho bà M đều đã chuyển qua cho bà H sở hữu. Như vậy, yêu cầu của ông Đ về việc buộc bà H phải liên đới cùng ông trả nợ là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Bà H cho rằng, các giấy nợ mà bà M dùng để đòi nợ được ông Đ viết sau này nhằm để lấy tiền của bà nên bà yêu cầu cho giám định tuổi mực. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc viết giấy nợ đúng vào thời điểm vay hay được viết sau này bản chất đều là xác nhận nợ và cho đến thời điểm này, ông Đ (người viết giấy nợ)

không phủ nhận việc đã từng vay tiền của bà M, không phủ nhận số nợ. Do đó, yêu cầu của bà H về việc giám định tuổi mực là không cần thiết.

Bà Văn Lê M trình bày, do là bạn bè thân thiết nên bà có cho ông Đ vay tiền 03 lần vào các ngày 04/4/2006, 21/10/2008 và đầu năm 2010, tổng cộng là 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Để làm tin, ông Đ có giao cho bà một số giấy tờ bản chính của lô đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, ông Đ không thanh toán tiền số nợ trên cho bà. Ông Đ lại còn chuyển toàn bộ tài sản cho vợ là bà Đỗ Thị H kể cả thửa đất mà ông Đ thế chấp cho bà nên bà yêu cầu ông Đ và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đ thống nhất với lời trình bày của bà Văn Lê M về số nợ, thời gian vay cũng như việc ông giao giấy tờ bản chính của lô đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà M để bảo đảm số nợ. Ông Đ khai số nợ ông vay của bà M dùng để mua máy làm cá viên chiên. Tuy nhiên, đến năm 2010 ông bị tai biến không làm được nữa nên có ý định cản trừ số nợ bằng lô đất đã thế chấp cho bà M. Do hiện tại tất cả tài sản của ông đã chuyển sang cho bà H kể cả lô đất 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông đồng ý cùng bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho bà M.

Trong khi đó, bà H cho rằng bà không biết việc ông Đ vay tiền của bà M, không tham gia giao dịch, không ký giấy vay. Vì vậy, bà không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đ trả số tiền vay của bà M. Bà H thừa nhận, thửa đất 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là ông Đ mua của ông Nguyễn Đức Tr, hiện ông Tr đã lập giấy ủy quyền cho bà được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Xét thấy, bà M và ông Đ thống nhất là ông Đ có vay của bà M số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Đây là giao dịch hợp pháp do các bên tham gia giao dịch đáp ứng đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Theo ông Đ trình bày, số tiền ông Đ vay được sử dụng vào việc mua máy làm cá viên chiên để làm kinh tế gia đình. Mặc dù, ông Đ không xuất trình được chứng cứ là mua máy móc gì cụ thể nhưng thực tế, có những giao dịch ông Đ thực hiện mà bà H không cùng tham gia. Cụ thể, thửa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đ khai phần đất này là của ông, do ông mua riêng. Lời khai của ông Đ phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Đức Tr (người chuyển nhượng lô đất, BL 86, BL 95) rằng ông chuyển nhượng thửa đất cho ông Đ chứ không bán cho bà H, không biết bà H là ai. Tuy nhiên, bà H lại cho rằng phần đất này là tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, tài sản một mình ông Đ đứng ra giao dịch thì bà H cho là tài sản chung của vợ chồng, còn số nợ ông Đ ký vay và theo ông Đ số tiền này ông dùng mua máy làm cá viên chiên thì bà H phủ nhận, không cho đó là nợ chung của vợ chồng. Xét, pháp luật quy định nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng là vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, định đoạt tài sản chung. Nay thửa đất số 19 Lô C1, khu dân cư B, Phường H, Quận

I, Thành phố Hồ Chí Minh bà H cho rằng là tài sản chung của vợ chồng, phía ông Đ đã đồng ý giao cho bà H toàn quyền sử dụng, không tranh chấp thì yêu cầu của ông Đ về việc buộc bà H phải cùng có trách nhiệm trả số nợ mà ông đã vay của bà M là hợp tình, hợp lý. Bản án sơ thẩm xác định số nợ vay của bà M là nợ chung của vợ chồng và buộc ông Đ, bà H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M là có căn cứ nên chấp nhận.

Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị H; Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà Đỗ Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 29, 30, 33, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Văn Lê M:

Buộc ông Trần Đ và bà Đỗ Thị H (có trách nhiệm liên đới) phải trả cho bà Văn Lê M số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng.

Bà Văn Lê M phải trả cho ông Trần Đ bản chính các giấy tờ sau:

- Quyết định số 3465/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận I ngày 29/6/2007 về việc giao nền đất được hoán đổi từ đất nông nghiệp tại khu dân cư B, Phường H, Quận I cho hộ gia đình ông Nguyễn Đức Tr, cư ngụ tại 557/3 bis đường N, Phường K, Quận X thuộc dự án đường vào Trung tâm Thương mại B(đoạn 2) và Khu thương mại B(giai đoạn 1).

- Quyết định số 77154/QĐ-UB ngày 02/10/2002 của Ủy ban nhân dân Quận I về việc đền bù thiệt hại đất đai, hoa màu và vật kiến trúc cho ông Nguyễn Đức Tr cư ngụ tại 557/3 bis đường N, Phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Biên bản giao nền đất hoán đổi ngày 13/7/2007 của Công ty Dịch vụ công ích Quận I.

- Bản vẽ hiện trạng cấp lô, số nền (mã hồ sơ: 108) cho ông Nguyễn Đức Tr (đính kèm Quyết định số 3465/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận I ngày 29/6/2007).

- Tờ ủy quyền ngày 06/04/2004 của ông Nguyễn Đức Tr với ông Trần Đ (có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận I).

2. Việc thi hành trả tiền và trả các giấy tờ các bên thực hiện cùng lúc ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm tiền lãi, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đ, bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà Văn Lệ M tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng theo Biên lai thu số 0013459 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0014824 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận I. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận I;
- TAND Quận I;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan